

Số: **29/2021/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 28 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 369/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu Đường Ngang, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Chị Phạm Minh H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Trung Đ và chị Phạm Minh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10/10/2019 cho chị Phạm Minh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Trung Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khánh C với mức cấp dưỡng là 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng cho

đến khi cháu Nguyễn Khánh C đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2021. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh Nguyễn Trung Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Về tài sản chung:** Anh Nguyễn Trung Đ và chị Phạm Minh H đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Anh Nguyễn Trung Đ và chị Phạm Minh H đều xác định không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Trung Đ tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2019/0000750, ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Phạm Minh H không phải chịu tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP Tuyên Quang;
- UBND Phường M (để biết);
- UBND phường A (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang